

Số: 112/2026/QĐST- DS

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án;

Căn cứ các Điều 117, 280, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ: khoản 1, 2 Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng 2024; Điều 7, Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên hoà giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 362/2026/TLST- DS ngày 22 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1).

Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D - Chức danh: Chủ tịch HĐQT V1.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đinh Công Đ – Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Vũ Đức H – Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ liên hệ: tầng 4, Ngân hàng V1, căn

SH4 – 8 dự án T, đường B, phường H, tỉnh Quảng Ninh (theo văn bản uỷ quyền số 856/2026/UQ - KHCN ngày 01/7/2026).

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị Thu T, sinh năm 1985,

Địa chỉ trên giao dịch: tổ B, khu B, phường H, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi cư trú hiện nay: tổ F, khu F, phường C, tỉnh Quảng Ninh;

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nghĩa vụ trả nợ: tính đến ngày 13/8/2026, bà Đoàn Thị Thu T phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP V theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng LN2302168377361 ngày 14/02/2023, số hồ sơ giải ngân 108 – P – 6637153; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử (dành cho khách hàng cá nhân) số LN2506245889578 ngày 09/6/2025, số hồ sơ giải ngân LD2517600901 tổng số tiền là 754.123.020 đồng (Bảy trăm năm mươi bốn triệu một trăm hai mươi ba nghìn không trăm hai mươi đồng). Bao gồm: nợ gốc 581.569.093 đồng (Năm trăm tám mươi một triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn không trăm chín mươi ba đồng); nợ lãi trong hạn: 16.175.349 đồng (Mười sáu triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi chín đồng); lãi quá hạn 157.324.968 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng).

Theo các hợp đồng tín dụng cụ thể:

+ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng LN2302168377361 ngày 14/02/2023, số hồ sơ giải ngân 108 – P – 6637153 tổng số tiền nợ là: 142.535.418 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm mười tám đồng). Bao gồm: nợ gốc 99.720.795 đồng (Chín mươi chín triệu bảy trăm hai mươi nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng); lãi trong hạn: 4.921.221 đồng (Bốn triệu chín trăm hai mươi một nghìn hai trăm hai mươi một đồng); lãi quá hạn: 38.839.792 đồng (Ba mươi tám triệu tám trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng).

+ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử (dành cho khách hàng cá nhân) số LN2506245889578 ngày 09/6/2025, số hồ sơ giải ngân LD2517600901 là: 611.587.602 đồng (Sáu trăm mười một triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm linh hai đồng). Bao gồm: nợ gốc: 481.848.298 đồng (Bốn trăm tám mươi một nghìn tám trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm chín mươi tám đồng); nợ lãi trong hạn: 11.254.128 đồng (Mười một triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn một trăm hai mươi tám đồng); lãi quá hạn: 118.485.176 đồng (Một trăm mười tám triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi sáu đồng).

- Về phương án trả nợ: chậm nhất đến ngày 12/9/2026, bà Đoàn Thị Thu T phải thanh toán toàn bộ số tiền 754.123.020 đồng (Bảy trăm năm mươi bốn triệu

một trăm hai mươi ba nghìn không trăm hai mươi đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 14/8/2026 cho **Ngân hàng TMCP V**.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập Biên bản hoà giải thành (ngày 14/8/2026), cho đến khi thi hành án xong, bà **Đoàn Thị Thu T** phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng LN2302168377361 ngày 14/02/2023, số hồ sơ giải ngân 108 – P – 6637153; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử (dành cho khách hàng cá nhân) số LN2506245889578 ngày 09/6/2025, số hồ sơ giải ngân LD2517600901 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà **Đoàn Thị Thu T** phải tiếp tục thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V** theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

- Về án phí: bà **Đoàn Thị Thu T** tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 17.082.460 đồng (Mười bảy triệu không trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi đồng).

Trả lại cho **Ngân hàng TMCP V** số tiền tạm ứng án phí là 15.502.810 đồng (Mười lăm triệu năm trăm linh hai nghìn tám trăm mười đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000280 ngày 22 tháng 7 năm 2026 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và Điều 72 của Luật Thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự; người đại diện;
- VKSND khu vực 1 – Quảng Ninh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu